ỦY BAN NHÂN DÂN **ĐẶC KHU KIÊN HẢI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1354 /UBND-VHXH V/v triển khai, thực hiện Kế hoạch số 91/KH-TTT ngày 29/9/2026 của Thanh tra tỉnh An Giang về kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2026	*Kiên Hải, ngày 13 tháng 10 năm 2026*

Kính gửi:

- Phòng Văn hóa – Xã hội đặc khu;
- Văn phòng HĐND-UBND đặc khu;
- Phòng Kinh tế đặc khu;
- Trung tâm phục vụ hành chính công đặc khu;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND đặc khu.

Thực hiện Kế hoạch số 91/KH-TTT ngày 29/9/2026 của Thanh tra tỉnh An Giang về kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2026 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 91/KH-TTT), Ủy ban nhân dân đặc khu Kiên Hải yêu cầu các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân đặc khu tổ chức thực hiện các nội dung sau:

I. QUÁN TRIỆT, PHỔ BIẾN CÁC QUY ĐỊNH VỀ KÊ KHAI, KIỂM SOÁT TÀI SẢN, THU NHẬP

1. Văn bản cần quán triệt, phổ biến

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tổ chức quán triệt, phổ biến đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc cơ quan, đơn vị các văn bản sau:

a) Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14, Luật số 81/2025/QH15 và Luật số 132/2025/QH15 (Luật số 132/2025/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/7/2026);

b) Nghị định số 164/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 và thay thế Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, kèm mẫu bản kê khai và hướng dẫn kê khai tại Phụ lục;

c) Quyết định số 4341/QĐ-UBND ngày 18/9/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh mục người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hằng năm trên địa bàn tỉnh An Giang (sau đây gọi là Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4341/QĐ-UBND);

d) Kế hoạch số 91/KH-TTT ngày 29/9/2026 của Thanh tra tỉnh An Giang về kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2026.

Việc phổ biến thực hiện bằng hình thức phù hợp với điều kiện của từng cơ quan, đơn vị, bảo đảm mọi người nắm rõ quy định và thực hiện đúng trách nhiệm kê khai tài sản, thu nhập.

2. Một số nội dung cần lưu ý

a) Tài sản, thu nhập phải kê khai là tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai, vợ (chồng) và con chưa thành niên, gồm: quyền sử dụng đất; nhà ở, công trình xây dựng; tài sản khác gắn liền với đất; kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá, tài sản số và tài sản khác, các khoản nợ có giá trị từ 150 triệu đồng trở lên; tài sản, tài khoản ở nước ngoài; tổng thu nhập giữa hai lần kê khai (Điều 35 Luật Phòng, chống tham nhũng đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Luật số 138/2025QH15; Điều 9 Nghị định số 164/2026/NĐ-CP).

b) Các phương thức kê khai: gồm kê khai lần đầu, kê khai hằng năm, kê khai bổ sung và kê khai phục vụ công tác cán bộ. Phương thức kê khai được xác định căn cứ vào đối tượng và trường hợp cụ thể theo quy định.

c) Kê khai hằng năm chỉ thực hiện đối với người thuộc diện quy định tại khoản 3 Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Luật số 138/2025QH15 và khoản 1 Điều 10 Nghị định số 164/2026/NĐ-CP, được xác định theo Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4341/QĐ-UBND; đối với cán bộ, công chức tại cơ quan nhà nước là người giữ chức vụ từ Trưởng phòng và tương đương có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,25 trở lên.

d) Kê khai bổ sung thực hiện khi trong năm có biến động về tài sản, thu nhập từ 1.000.000.000 đồng trở lên, trừ trường hợp thuộc diện kê khai hằng năm (khoản 2 Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng đã được sửa đổi, bổ sung được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Luật số 138/2025QH15). Bản kê khai bổ sung phải thể hiện phần tài sản, thu nhập tăng hoặc giảm so với lần kê khai liền trước và giải trình theo mẫu.

đ) Hình thức kê khai: bản kê khai lập theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 164/2026/NĐ-CP, bảo đảm trung thực, đầy đủ, rõ ràng; ký từng trang và nộp đủ số bản theo quy định. Việc kê khai trên môi trường điện tử thực hiện khi đáp ứng điều kiện về hạ tầng và theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

e) Công khai bản kê khai thực hiện theo Điều 11 Nghị định số 164/2026/NĐ-CP: chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày bàn giao bản kê khai cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; bằng hình thức niêm yết trong 15 ngày hoặc công bố tại cuộc họp theo quy định.

g) Trách nhiệm và xử lý vi phạm: kê khai trung thực, giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm là trách nhiệm của người có nghĩa vụ kê khai và là một trong những tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Người kê khai không trung thực hoặc vi phạm quy định về kê khai, giải trình bị xử lý

theo quy định của pháp luật; là đảng viên thì còn bị xử lý theo quy định của Đảng.

II. RÀ SOÁT ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI HẠN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2026

Các cơ quan, đơn vị căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 164/2026/NĐ-CP, Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4341/QĐ-UBND và Kế hoạch số 91/KH-TTT để rà soát, xác định chính xác người có nghĩa vụ kê khai thuộc quyền quản lý, sử dụng của Ủy ban nhân dân đặc khu theo từng phương thức, cụ thể như sau:

1. Kê khai hằng năm (khoản 3 Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng sửa đổi tại khoản 12 Điều 1 Luật số 138/2025/QH15; khoản 1 Điều 10 Nghị định số 164/2026/NĐ-CP; Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4341/QĐ-UBND).

Thực hiện kê khai đối với cán bộ, công chức có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,25 trở lên, chi tiết theo Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4341/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang.

Thời hạn hoàn thành: Trước ngày 31/12/2026.

2. Kê khai lần đầu (điểm b Khoản 1 Điều 36 Luật phòng chống tham nhũng số 36/2018/QH14):

Thực hiện đối với người lần đầu giữ vị trí công tác thuộc diện phải kê khai theo quy định tại khoản 1,2 và 3 Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14.

Thời hạn hoàn thành chậm nhất 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bố trí.

3. Kê khai bổ sung (khoản 2 Điều 36 Luật phòng chống tham nhũng được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Luật số 132/2025/QH15):

Người có nghĩa vụ kê khai khi trong năm 2026 có biến động về tài sản, thu nhập từ 1.000.000.000 đồng trở lên; biến động dưới mức này không phải kê khai bổ sung. Người đã kê khai hằng năm không kê khai bổ sung. Bản kê khai bổ sung nêu rõ tài sản, thu nhập tăng hoặc giảm so với lần kê khai liền trước, giải trình nguồn gốc phần tăng thêm và nguyên nhân phần giảm (Mục III mẫu bản kê khai; Điều 40 Luật Phòng, chống tham nhũng sửa đổi tại khoản 13 Điều 1 Luật số 132/2025/QH15).

Thời hạn hoàn thành: trước ngày 31/12/2026.

4. Kê khai phục vụ công tác cán bộ (Khoản 4 Điều 36 Luật phòng, chống tham nhũng):

Người có nghĩa vụ kê khai dự kiến được bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc cử giữ chức vụ khác; người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện theo pháp luật về bầu cử.

Thời hạn: chậm nhất 10 ngày trước khi dự kiến thực hiện.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân đặc khu

a) Tổ chức quán triệt, phổ biến theo yêu cầu tại Mục I Công văn này đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý, sử dụng; hướng dẫn, nhắc nhở người có nghĩa vụ kê khai thực hiện đúng quy định.

b) Cử 01 lãnh đạo phụ trách và 01 công chức, viên chức làm đầu mối phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội trong việc rà soát, lập danh sách, tổ chức kê khai và báo cáo; gửi thông tin đầu mối theo Phụ lục II kèm theo Công văn này.

c) Rà soát, lập đầy đủ, chính xác danh sách người có nghĩa vụ kê khai thuộc phạm vi quản lý theo mẫu tại Phụ lục I kèm theo Công văn này; xác định rõ phương thức kê khai của từng người và chịu trách nhiệm về tính chính xác của danh sách.

d) Gửi danh sách về Ủy ban nhân dân đặc khu (qua Phòng Văn hóa - Xã hội), gồm bản giấy có chữ ký, đóng dấu của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và bản điện tử, **chậm nhất ngày 28/10/2026**. Trường hợp phát sinh người thuộc diện kê khai lần đầu hoặc kê khai phục vụ công tác cán bộ, kịp thời báo cáo bổ sung để bảo đảm đúng thời hạn.

đ) Sau khi Ủy ban nhân dân đặc khu ban hành Kế hoạch thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2026, tổ chức thực hiện đúng đối tượng, phương thức, thời hạn và hướng dẫn; chịu trách nhiệm về việc tổ chức kê khai, công khai, quản lý và nộp bản kê khai thuộc phạm vi trách nhiệm của cơ quan, đơn vị.

2. Trách nhiệm của Phòng Văn hóa - Xã hội

a) Là đầu mối tiếp nhận, tổng hợp danh sách và thông tin đầu mối của các cơ quan, đơn vị; kiểm tra, đối chiếu với Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4341/QĐ-UBND và các quy định pháp luật có liên quan, bảo đảm xác định đúng đối tượng, phương thức kê khai.

b) Trên cơ sở danh sách tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân đặc khu ban hành Kế hoạch thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2026 **chậm nhất ngày 15/11/2026**, xác định cụ thể đối tượng, phương thức, thời hạn kê khai, lịch tiếp nhận bản kê khai, hình thức và thời gian công khai, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị.

c) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị và người có nghĩa vụ kê khai thực hiện đúng mẫu, trình tự, thủ tục và thời hạn; kịp thời tổng hợp, tham mưu xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

d) Tổng hợp danh sách, bản kê khai thuộc trách nhiệm chuyển giao của Ủy ban nhân dân đặc khu, tham mưu gửi cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm

quyền: Thanh tra tỉnh An Giang (qua Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, số 1192 đường Nguyễn Trung Trực, phường Rạch Giá) **trước ngày 20/01/2027**; gửi Ủy ban kiểm tra theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân đặc khu báo cáo kết quả kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2026 gửi Thanh tra tỉnh **chậm nhất ngày 20/02/2027** theo yêu cầu của Kế hoạch số 91/KH-TTT.

3. Phối hợp và xử lý trách nhiệm

Các cơ quan, đơn vị phối hợp chặt chẽ thông qua đầu mối đã cử; cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, số liệu, hồ sơ theo yêu cầu, bảo đảm đúng thời hạn. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Phòng Văn hóa - Xã hội để được hướng dẫn hoặc tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân đặc khu chỉ đạo.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân đặc khu về việc rà soát đúng đối tượng, tổ chức kê khai, công khai và nộp bản kê khai theo quy định. Trường hợp không tổ chức kê khai, công khai hoặc nộp bản kê khai sau khi đã được đôn đốc bằng văn bản lần thứ hai, người đứng đầu bị xem xét xử lý theo Điều 37 Nghị định số 164/2026/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan.

Ủy ban nhân dân đặc khu Kiên Hải yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Thanh tra tỉnh An Giang;
- Đảng ủy đặc khu;
- Thường trực HĐND-UBND đặc khu;
- Lãnh đạo Phòng Văn hóa - Xã hội đặc khu;
- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động;
- Lưu: VT, PVHXH, ntmsang.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D ĐẶC KHU KIÊN HẢI T. AN GIANG

Châu Hùng Kỳ

PHỤ LỤC I
MẪU DANH SÁCH NGƯỜI CÓ NGHĨA VỤ KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2026

(Kèm theo Công văn số /UBND-PVHXH ngày tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Kiên Hải)

Cơ quan, đơn vị: .....

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, chức danh	Hệ số phụ cấp chức vụ	Cơ quan, đơn vị công tác	Phương thức kê khai	Đã được cơ quan có thẩm quyền xác minh tài sản, thu nhập năm … (đánh dấu "X")	Ghi chú
1								
2								
3								
…								

Hướng dẫn ghi danh sách:

- Cột "Phương thức kê khai": ghi Lần đầu, Hằng năm hoặc Phục vụ công tác cán bộ; người thuộc Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng nhưng không thuộc Danh mục kê khai hằng năm ghi "Bổ sung (khi có biến động từ 1.000.000.000 đồng trở lên trong năm)";

- Cột "Ghi chú": đối với kê khai lần đầu ghi ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bố trí; đối với kê khai phục vụ công tác cán bộ ghi chức vụ dự kiến và thời điểm dự kiến; ghi rõ người thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý hoặc đảng viên chuyên trách công tác đảng (nếu có) để phân loại cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập;

- Cột "Đã được cơ quan có thẩm quyền xác minh tài sản, thu nhập năm …": đánh dấu "X" ngay hàng có tên người đã được xác minh và ghi rõ năm xác minh.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC II
THÔNG TIN ĐẦU MỐI PHỐI HỢP THỰC HIỆN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2026

(Kèm theo Công văn số /UBND-PVHXH ngày tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Kiên Hải)

Cơ quan, đơn vị: .....

STT	Họ và tên	Chức vụ, chức danh	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1		Lãnh đạo phụ trách			
2		Đầu mối thực hiện			

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)